

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 14 hộ gia đình bị ảnh hưởng do GPMB các dự án thuộc Khu Đô thị khoa học và giáo dục Quy Hòa tại Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, hạng mục: Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ FPT Software (Đợt 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019, Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 và Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về ban hành bảng giá đất các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại Tờ trình số 59/TTr-HĐBT ngày 18/4/2023 và ý kiến thẩm

định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 465/TTr-STNMT ngày 28/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 14 hộ gia đình bị ảnh hưởng do GPMB các dự án thuộc Khu Đô thị khoa học và giáo dục Quy Hòa tại Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, hạng mục: Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ FPT Software (Đợt 1), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB là **8.458.370.916 đồng** (Bằng chữ: Tám tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi ngàn, chín trăm mười sáu đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ : 8.287.520.506 đồng;
- Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB : 5.000.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) : 165.850.410 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 16.585.000 đồng, đã bao gồm chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường: 11.609.500 đồng)

Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước.

(Chi tiết theo Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này)

2. Về tái định cư:

Bố trí 02 lô đất ở tại Khu tái định cư mở rộng phía Tây Bắc khu tái định cư Quy Hòa tại Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn cho 01 hộ gia đình với tổng diện tích là 262,0 m². Tiền sử dụng đất hộ gia đình phải nộp là **911.840.000 đồng** (Bằng chữ: Chín trăm mười một triệu, tám trăm bốn mươi ngàn đồng).

(Chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, K8, K16.

ren



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Phụ lục 1

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ DO GPMB

Dự án: GPMB các dự án thuộc khu Đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn,

(hạng mục: Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ FPT Software) (Đợt 1)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Theo hồ sơ đo đạc hiện trạng năm 2020				Diện tích đất được bồi thường (m ²)			Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)						
			Số thửa	Tờ BD	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Đất ở	Đất vườn	Đất nông nghiệp	Bồi thường đất	Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc	Bồi thường cây cối	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khi thu hồi đất vườn	Các khoản BT, HT khác và thưởng GPMB	Tổng
1	Trịnh Quang Sáng, vợ Đinh Thị Cúc	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	124	1	ODT+BHK	844,9	150,0	694,9	0,0	782.113.000	468.328.786	209.036.900	823.708.800	875.000.000	103.924.000	3.262.111.486
			125	1	LUC	353,7	0,0	0,0	353,7							
			119	1	LUC	806,6	0,0	0,0	806,6							
2	Nguyễn Kim Thanh	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	8	3	CLN	1.055,9	0,0	0,0	1.055,9	171.900.520	16.000.000	50.400.000	468.819.600	0	0	707.120.120
3	Đinh Thái Thạch	Tổ 8, KV2, P. Ghềnh Ráng	4	6	CLN	693,8	0,0	0,0	693,8	112.950.640	0	13.821.600	308.047.200	0	0	434.819.440
4	Mai Ngọc Thống, vợ Phạm Thị Tuyết Nhung	Tổ 5, KV2, P. Ghềnh Ráng	21	6	BHK	574,4	0,0	0,0	574,4	93.512.320	0	16.902.000	255.033.600	0	0	365.447.920
5	Trần Quý Lành	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	29	6	CLN	809,7	0,0	0,0	809,7	131.819.160	2.916.000	89.584.500	359.506.800	0	0	583.826.460
6	Trịnh Văn Nhẫn	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	48	7	BHK	262,8	0,0	0,0	262,8	68.148.080	0	16.566.000	185.858.400	0	4.464.000	275.036.480
			40	6	BHK	155,8	0,0	0,0	155,8							
7	Phan Văn Công	Tổ 10, KV2, P. Ghềnh Ráng	33	7	BHK	151,1	0,0	0,0	151,1	24.599.080	2.916.000	6.429.000	67.088.400	0	17.856.000	118.888.480
8	Trịnh Văn Tốt	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	81	7	CLN	367,1	0,0	0,0	367,1	138.656.760	0	50.306.400	378.154.800	0	0	567.117.960
			80	5	BHK	484,6	0,0	0,0	484,6							
9	Trần Thị Minh Phụng	Tổ 10, KV2, P. Ghềnh Ráng	20	6	BHK	184,6	0,0	0,0	184,6	30.052.880	0	43.789.000	81.962.400	0	0	155.804.280
10	Nguyễn Thị Hồng Thủy	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	53	7	BHK	458,2	0,0	0,0	458,2	74.594.960	0	47.473.200	203.440.800	0	0	325.508.960
11	Nguyễn Thanh Sang, vợ Đặng Thị Thủy	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	31	7	CLN	492,4	0,0	0,0	492,4	80.162.720	0	64.560.000	218.625.600	0	0	363.348.320

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Theo hồ sơ đo đạc hiện trạng năm 2020				Diện tích đất được bồi thường (m ²)			Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)						
			Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Đất ở	Đất vườn	Đất nông nghiệp	Bồi thường đất	Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc	Bồi thường cây cối	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khi thu hồi đất vườn	Các khoản BT, HT khác và thưởng GPMB	Tổng
12	Trần Thị Quý Đạo	Tổ 5, KV2, P. Ghềnh Ráng	19	6	BHK	641,8	0,0	0,0	641,8	104.485.040	2.916.000	81.500.200	284.959.200	0	0	473.860.440
13	Phan Thị Mỹ	52 Hàn Mạc Tử, TP. Quy Nhơn	46	6	BHK	520,9	0,0	0,0	520,9	294.456.360	0	31.842.000	0	0	0	326.298.360
			13	6	BHK	915,1	0,0	0,0	915,1							
			41	6	BHK	372,7	0,0	0,0	373,7							
14	Nguyễn Hữu Hoạch	14 Bế Văn Đàn, TP. Quy Nhơn	30	7	CLN	1.738,5	0,0	0,0	1.738,5	283.027.800	0	50.304.000	0	0	0	333.331.800
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ					11.884,6	150,0	694,9	11.040,7	2.390.479.320	493.076.786	772.514.800	3.635.205.600	875.000.000	126.244.000	8.292.520.506
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB 2%: (A) x 2%															165.850.410
C	Tổng cộng: (A)+(B)															8.458.370.916

REN

Phụ lục 2
BẢNG TỔNG HỢP GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ CHO 01 HỘ GIA ĐÌNH BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB
Dự án: GPMB các dự án thuộc khu Đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn,
(hạng mục: Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ FPT Software) (Đợt 1)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Hộ gia đình	Địa chỉ	Diện tích đất được bồi thường (m ²)			Lô đất tái định cư được giao				Diện tích giao đất tái định cư bằng diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư (đồng/m ²)	Diện tích giao đất tái định cư vượt diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Giá đất cụ thể theo giá thị trường để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư (đồng/m ²)	Giá trị tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)
			Đất ở	Đất vườn	Tổng	Lô số	Khu	Đường (lộ giới)	Diện tích (m ²)					
						(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)x(6)+(7)x(8)
1	Trịnh Quang Sáng, vợ Đinh Thị Cúc	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	150,00	694,90	844,90	1 (lô góc)	TDC-03	ĐS3 (13m)	142,00	142,00	3.120.000	0,00	4.800.000	443.040.000
						2d	TDC-03	ĐS3 (13m)	120,00	8,00	2.600.000	112,00	4.000.000	468.800.000
	Tổng cộng					2			262,00					911.840.000

REN